



cuì liàn

淬炼

verb · temper and refine

Example Sentence

Tā zài kùn nán zhōng bù duàn cuì liàn zì jǐ de yì zhì
他在困难中不断淬炼自己的意志。

He continuously tempers his will in difficulties.

Trace each character, then write the word on your own.

淬	淬	淬	淬	淬	淬	淬	淬	淬	淬	淬
淬	淬	淬								

炼	炼	炼	炼	炼	炼	炼	炼	炼	炼	炼
炼										
